

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI LỰC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI LỰC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI LUC TRADING AND SERVICES INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAI LUC TRADING AND SERVICES INVESTMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110655513

3. Ngày thành lập: 19/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Liên kè 14 khu đô thị hành chính mới , Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904427019

Fax:

Email: congtydailuc7979@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4512

7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4530
10.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: -Đại lý bán hàng hóa	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn động vật sống - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Cơ sở mua bán trang thiết bị y tế -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gạch lát san, gạch ốp tường; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác... - Bán buôn đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
28.	Trồng cây hàng năm khác	0119
29.	Trồng cây ăn quả	0121
30.	Trồng cây cà phê	0126
31.	Trồng cây chè	0127
32.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
33.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: -Trồng cây cảnh lâu năm -Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129

34.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
35.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
36.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
37.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
38.	Chăn nuôi gia cầm	0146
39.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
40.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
41.	Khai thác gỗ	0220
42.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ các loại nhà nước cấm)	0231
43.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (Trừ các loại nhà nước cấm)	0232
44.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
45.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
46.	Dịch vụ đóng gói	8292
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty sản xuất, kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
48.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
49.	Lập trình máy vi tính	6201
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
52.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán (Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	6612
53.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
55.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310

56.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội ngoại thất; - Thiết kế hệ thống hồ cá cảnh. (Điều 70 Nghị định 15/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) (Không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế phương tiện vận tải)	7410
57.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch (không bao gồm hoạt động dịch thuật của các cộng tác viên dịch thuật) - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin (Điều 52 Luật công nghệ thông tin năm 2006); - Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ, Tư vấn chuyển giao công nghệ, Đánh giá công nghệ, Thẩm định giá công nghệ, Giám định công nghệ, Xúc tiến chuyển giao công nghệ. (Điều 45 Luật chuyển giao công nghệ 2017) (Không bao gồm hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)	7490(Chính)
58.	Bán buôn tổng hợp	4690
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
61.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
62.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
63.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Trừ giết mổ gia súc gia cầm và không hoạt động tại trụ sở)	1010
64.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
65.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
66.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
67.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
68.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
69.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
70.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
71.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
72.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
73.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

74.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
75.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
76.	In ấn Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ in - Hoạt động của cơ sở in (Quy định tại Điều 11 Nghị định 60/2014/NĐ-CP Quy định về hoạt động in)	1811
77.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
78.	Sao chép bản ghi các loại	1820
79.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
80.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
81.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm (Điều 3, điều 4 Nghị định 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016; Điều 13 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	2023
82.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
83.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
84.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
85.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
86.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
87.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
88.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
89.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
90.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;	2710
91.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.	2732
92.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
93.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
94.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
95.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
96.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
97.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

98.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
99.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
100.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
101.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
102.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ	4784
103.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
104.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
105.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
106.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
108.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
109.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3100
110.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
111.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
112.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
113.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
114.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
115.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
116.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
117.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
118.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
119.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
120.	Thu gom rác thải độc hại	3812
121.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
122.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
123.	Tái chế phế liệu	3830

124.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
125.	Xây dựng nhà để ở	4101
126.	Xây dựng nhà không để ở	4102
127.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
128.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
129.	Xây dựng công trình điện	4221
130.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
131.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
132.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.	4229
133.	Xây dựng công trình thủy	4291
134.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
135.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
136.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
137.	Phá dỡ	4311
138.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
139.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
140.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
141.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

142.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
143.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
144.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
145.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
146.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ HÙNG QUYỀN** Giới tính: *Nam*
Sinh ngày: *12/10/1992* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *022092005351*
Ngày cấp: *28/06/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 23 khu 2B , Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 23 khu 2B , Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ HÙNG QUYỀN** Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *12/10/1992* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *022092005351*
Ngày cấp: *28/06/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 23 khu 2B , Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 23 khu 2B , Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội